PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mẫu số 4

TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……..	*……., ngày …… tháng ……. năm ……*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ATM

Kỳ báo cáo (6 tháng đầu năm…..) năm…..

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán)

1. Báo cáo, đánh giá về tình hình hoạt động ATM (bao gồm ATM lưu động, nếu có)

- Đánh giá về chất lượng dịch vụ ATM (tính ổn định, thông suốt của hệ thống ATM; tình trạng quá tải ATM trong những ngày cao điểm...);

- Công tác an ninh, an toàn hoạt động ATM, trong đó tập trung một số nội dung sau:

+ Việc tổ chức, vận hành hệ thống quản lý, giám sát hoạt động mạng lưới ATM.

+ Tình hình tội phạm liên quan đến ATM của đơn vị báo cáo (nêu rõ số vụ việc mất an ninh, an toàn ATM đã được phát hiện, địa bàn xảy ra, thiệt hại, kết quả xử lý vụ việc...).

2. Các vướng mắc, kiến nghị.

	NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN
Nơi nhận:	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Như trên;	
- Lưu.	

Mẫu số 5

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày ….. tháng ….. năm …..

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ATM

Kỳ báo cáo (6 tháng đầu năm…….) năm……

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán)

1. Tình hình hoạt động ATM

Tình hình hoạt động ATM (bao gồm ATM lưu động, nếu có) và việc quản lý, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với hoạt động ATM trên địa bàn:

a. Về việc đảm bảo chất lượng dịch vụ ATM

b. Về việc đảm bảo an toàn, an ninh hoạt động ATM (nêu rõ các vụ việc liên quan, nếu có).

2. Tình hình dư luận: những vấn đề bức xúc phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng liên quan đến dịch vụ ATM trên địa bàn và biện pháp khắc phục.

3. Các vướng mắc, kiến nghị.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mẫu số 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO TOÀN

(6 tháng, năm .../ Năm ...)

Đơn vị: triệu đồng, %

STT	Tên chỉ tiêu	Số lượng thành viên Ban quản lý Quỹ bảo toàn	Tình hình nộp phí Quỹ bảo toàn			Cho vay hỗ trợ các quỹ tín dụng nhân dân khi gặp khó khăn về tài chính, khó khăn chi trả để có thể khắc phục trở lại hoạt động bình thường.								Sử dụng nguồn vốn của Quỹ bảo toàn					Thu, chi tài chính phục vụ cho hoạt động của Quỹ bảo toàn											
			Tổng số phí đã thu của Quỹ bảo toàn trong kỳ	Số QTDND đã tham gia đóng phí Quỹ bảo toàn	Số QTDND chưa tham gia đóng Quỹ bảo toàn	Số QTDND đề nghị được vay vốn	Số QTDND đã được xét cho vay	Mức cho vay hỗ trợ	Thời hạn cho vay hỗ trợ	Lãi suất cho vay hỗ trợ	Các biện pháp theo dõi, chấn chỉnh, củng cố hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân được vay hỗ trợ	Việc thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của quỹ tín dụng nhân dân được hỗ trợ	Xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay hỗ trợ không thu hồi được vốn	Gửi tại ngân hàng hợp tác xã		Gửi tại ngân hàng thương mại		Mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thu nhập	Thu lãi tiền gửi	Thu lãi cho vay	Thu đầu tư trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	Thu khác	Chi phí	Chi phí hoạt động của Quỹ bảo toàn	Chi cho cán bộ nhân viên	Chi dự phòng	Chi khác	Chênh lệch thu, chi tại kỳ báo cáo	Chênh lệch thu, chi (lũy kế)
														Số tiền	Lãi suất tiền gửi	Số tiền	Lãi suất tiền gửi													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)
I	**Số liệu thời điểm báo cáo**																													
II	**Cho vay từ Quỹ bảo toàn**																													

II.1	Cho vay hỗ trợ khó khăn về tài chính																														
II.2	Cho vay hỗ trợ khó khăn về khả năng chi trả																														
II.3	Cho vay khác																														

1. Đối tượng báo cáo: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo định kỳ 6 tháng: Gửi chậm nhất ngày 15/7 hàng năm.

- Báo cáo định kỳ năm: Chậm nhất 45 ngày sau khi kết thúc năm tài chính.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Dòng I: Báo cáo số liệu đến cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

+ Cột (20) = Cột (21) + Cột (22) + Cột (23) + Cột (24)

+ Cột (25) = Cột (26) + Cột (27) + Cột (28) + Cột (29)

+ Cột (30) = Cột (20) - Cột (25)

+ Cột (31): Điền chênh lệch thu, chi từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.

+ Cột (20), (21), (22), (23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30), (31), TCTD không phải báo cáo tại kỳ 6 tháng.

- Dòng II:

+ II= II.1+II.2+II.3

+ II.1, II.2, II.3 tương ứng với các cột (7, 8, 9, 10, 11): Báo cáo số liệu đến cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

+ II.1, II.2, II.3 tương ứng với các cột (12, 13, 14): báo cáo biện pháp đã triển khai

Ghi chú: Tổ chức tín dụng không điền vào ô màu xám.

Mẫu số 02

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ

Số:……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tỉnh, thành phố).... ngày …… tháng ……. năm..

BÁO CÁO

Kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ của Ban kiểm soát ngân hàng hợp tác xã về tình hình hoạt động và kết quả tài chính của Quỹ bảo toàn

(Từ ngày 01/01/... đến ngày 31/12/...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Quản lý Quỹ bảo toàn (số lượng thành viên Ban quản lý Quỹ bảo toàn)

2. Thời gian thực hiện giám sát, kiểm toán nội bộ của Ban kiểm soát Ngân hàng Hợp tác xã về tình hình hoạt động và kết quả tài chính của Quỹ bảo toàn (Tần suất và thời lượng kiểm toán nội bộ)

3. Nội dung và kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm soát Ngân hàng Hợp tác xã về tình hình hoạt động và kết quả tài chính của Quỹ bảo toàn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)